

VỀ CÁC VÙNG ẢNH HƯỞNG TỪ CÁC THIÊN SƯ MẬT TÔNG THỜI LÝ VÀ TRẦN

TS. PHẠM THỊ THU HƯƠNG*

TÓM TẮT

Từ những thiên sư đã tồn tại trong lịch sử (thời Lý và Trần) như Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Giác Hải, Nguyễn Minh Không, Dương Không Lộ hay Nguyễn Bình An, dần dần được người dân tôn là những vị thánh. Sau đó, với vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của những cộng đồng dân cư nhất định, đã tạo ra những địa bàn ảnh hưởng của riêng mình, thể hiện qua hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể còn lại cho đến ngày nay.

Từ khóa: thiên sư; thời Lý; thời Trần; vùng ảnh hưởng.

ABSTRACT

Some monks in history of Lý dynasty and Trần dynasty such as Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Giác Hải, Nguyễn Minh Không, Dương Không Lộ and Nguyễn Bình An step by step attained deity after their death. Then their important role in community spiritual life had created their own territory through tangible and intangible heritage system that remain today.

Key words: Monk; Lý dynasty; Trần dynasty; Influential region.

1. Về các vùng ảnh hưởng

Trong diễn trình phát triển của kiến trúc Phật giáo Việt, đã hình thành và tồn tại nhiều dạng chùa khác nhau, như chùa thờ thuần Phật mà ta có thể gặp ở hầu khắp các quốc gia chịu ảnh hưởng của Phật giáo, chùa thờ Phật kết hợp với thờ thần (hệ thống chùa Tứ Pháp), chùa kết hợp thờ Phật và thờ Mẫu (phổ biến hiện nay) và chùa vừa thờ Phật vừa thờ thánh (chùa tiền Phật hậu thánh). Loại chùa tiền Phật hậu thánh này chủ yếu tồn tại ở vùng châu thổ Bắc bộ, xuất hiện vào thế kỷ XVI, định hình và phát triển mạnh mẽ ở thế kỷ XVII. Đây là dạng chùa khá đặc biệt, bởi bên cạnh điểm đặc sắc về kiến trúc, di vật và lễ hội, thì ở các chùa này, nhân vật "phi Phật" cũng được thờ trong chùa và có nhiều điểm đáng nghiên cứu. Họ được tôn vinh là thánh, bởi là những người, mà theo thần tích, đều là thiên sư đã có công xây dựng hoặc mở mang và trụ trì (hoặc liên quan) tại các ngôi chùa mà họ được thờ phụng. Các vị thánh thường được nhắc tới là Từ Đạo Hạnh, Dương Không Lộ/Nguyễn Minh Không, Nguyễn Giác Hải, Nguyễn Bình An...

Một đặc điểm chung cho những vị thánh này đều được gán cho là có phép thuật, có thể hô gió gọi mưa, hàng long phục hổ..., đó là kết quả của nhiều lớp tín ngưỡng, tôn giáo đan xen nhau qua sự trôi chảy của thời gian.

Trước hết, phải khẳng định rằng, Phật giáo có vai trò quan trọng trong việc "tạo ra" thần tích của những nhân vật này. Bởi theo *Thiền Uyển tập anh*, các thánh đều là những nhà sư sống trong các thời kỳ khác nhau (Không Lộ, Giác Hải thuộc thế hệ thứ 9 và thứ 10 của dòng thiền Vô Ngôn Thông; Đạo Hạnh và Minh Không thuộc thế hệ 12 và 13 của dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi, còn Nguyễn Bình An là một thiên sư thời Trần). Ngoài ra, nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác như Đạo giáo, tín ngưỡng nông nghiệp, ngư nghiệp, tín ngưỡng thờ Tổ nghề... đều có mặt trong thần tích, được biểu hiện qua nghi thức tế lễ và trò diễn dân gian...

Đặc biệt hơn, qua sự phân bố của hệ thống di tích thờ phụng những vị thánh này, ta có thể thấy một vấn đề hết sức lý thú, đó là, mỗi vị thánh đều như có một vùng ảnh hưởng riêng.

Có thể thấy, vai trò quan trọng của các vị thánh đối với tâm linh của người dân không còn là điều phải bàn cãi, nhưng dường như, họ cũng có những

* Bảo tàng Hồ Chí Minh

vùng ảnh hưởng nhất định. Điều này được thể hiện ở số lượng những ngôi chùa, ngôi đền cùng thờ một thánh ở mỗi vùng là khác nhau. Ở nơi đó, vị thánh này lại có vai trò quan trọng hơn vị thánh kia, ví như: với đức thánh Bối - Nguyễn Bình An (một vị thánh "được cho là" xuất hiện vào thời Trần), ông là một nhân vật có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân hai vùng Tiên Lữ - Chương Mỹ và Bối Khê - Thanh Oai (Hà Nội); nếu vượt ra khỏi phạm vi này, ảnh hưởng của ông không còn đáng kể nữa. Rất ít người dân sống ngoài 2 khu vực này biết đến sự hiện diện của ông trong đời sống tâm linh. Và, trong vùng châu thổ Bắc Bộ cũng chỉ có hai chùa Bối Khê và Trăm Gian là có liên quan mật thiết với ông. Nhưng với Đạo Hạnh và Không Lộ/Minh Không thì khác, số lượng di tích thờ phụng họ nhiều hơn và phân bố trên một địa bàn rộng lớn hơn. Qua khảo sát các di tích thờ hai nhân vật này, chúng tôi thấy các kiến trúc liên quan tới Từ Đạo Hạnh, như kéo thành một vệt từ khu vực chùa Thầy - Quốc Oai, qua xã Ngãi Cầu, Hành Đức về Láng - Hà Nội rồi vượt sông Hồng sang Như Quỳnh - Hưng Yên. Hầu hết những ngôi chùa kiêm thờ thánh ở những địa phương này đều thờ Từ Đạo Hạnh ở trung tâm. Trong trường hợp phối thờ cùng với Không Lộ và Giác Hải (như một số chùa ở Hoài Đức), thì tượng (bài vị) của Từ Đạo Hạnh bao giờ cũng được đặt ở vị trí chính giữa. Thêm nữa, khi được hỏi về tiểu sử của ba vị thánh, người dân nơi đây thường kể chi tiết về Đạo Hạnh, nhưng lại rất sơ lược về hai vị thánh kia. Và, mặc dù thờ cả ba vị thánh, nhưng lễ hội của tất cả những ngôi chùa này đều được diễn ra từ ngày mồng 7 đến ngày 10 tháng Ba, trong đó, ngày mồng 7 là chính hội, trùng với lịch lễ hội của các ngôi chùa thờ Từ Đạo Hạnh, như chùa Thầy, chùa Láng (Hà Nội), chùa Ông (Hưng Yên)... Trong ngày hội, lễ vật và trò diễn của những chùa này cũng khá giống nhau, hoàn toàn không thấy sự có mặt của trò bơi chải (như các chùa thờ thánh Không Lộ/Minh Không).

Cũng tương tự như vậy, người dân trên cả một dải đất rộng lớn ở các làng gần biển thuộc Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình lại truyền tụng công lao to lớn của Không Lộ. Trong tâm thức của dân, Không Lộ là người anh hùng, đã dạy dân đánh cá, trồng lúa, đúc đồng, người chém thủy quái đem lại yên bình cho biển cả và chữa bệnh cứu dân... Tất cả những gì tốt đẹp nhất, kính trọng nhất đều được dành cho vị thánh. Khác với các tư liệu, thư tịch cổ,

ghi lại sự phân chia thứ bậc của ba vị thánh sau khi đi học đạo về (Đạo Hạnh là anh cả, Không Lộ thứ hai và Giác Hải thứ ba), thì người dân nơi đây thường kể lại việc Không Lộ được tôn làm anh cả và bởi phép thuật của ông đứng đầu trong số ba anh em, nên có thể chữa được bệnh cho vua Lý Thần Tông (theo truyền thuyết là hậu thân của Từ Đạo Hạnh). Ảnh hưởng của Không Lộ còn lan xa ven các triền sông (và cả ven biển) lên phía Bắc, với các ngôi đình, chùa thờ ông ở vùng Phả Lại (Bắc Ninh, Hải Dương), Yên Hưng (Quảng Ninh)... Không Lộ đã trở thành vị thần biển với tên gọi Trấn Hải đại vương và thờ ở đình Trà Cổ (Quảng Ninh) - mảnh đất biên giới vùng Đông Bắc. Theo tư liệu điển dã của GS.TS. Kiều Thu Hoạch, người Kinh ở Vạn Vĩ di cư sang Trung Quốc từ đầu thế kỷ XVI (đời Lê Tương Dực) kể lại truyền thuyết về thần biển Bạch Long Vĩ giả làm ăn mày để diệt trừ con Thên (Rết): đã dùng quả bí đỏ nướng chín ném cho Rết cắn, Rết bị bỏng mồm rụng răng, thần biển Bạch Long Vĩ chém Rết làm 3 đoạn, sau thành 3 hòn đảo Sơn Tâm, Vu Đầu và Vạn Vĩ; còn răng Rết thành bán đảo Vạn Xí (tức Trà Cổ sau này). Điều thú vị là nội dung này hoàn toàn trùng hợp với nội dung bài kệ về Không Lộ được lưu truyền trong dân gian và được ghi lại trong "Siêu thần chân kinh" - một tư liệu cổ, viết bằng chữ Hán, hiện đang lưu giữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm). Thời gian mở hội của các ngôi chùa thờ thánh Không Lộ trong toàn vùng hầu hết đều vào tháng Chín. Song, cần lưu ý rằng, trong địa bàn dày đặc những di tích thờ Không Lộ còn có một ngôi chùa thờ Từ Đạo Hạnh (chùa Đại Bi ở Nam Trực - Nam Định). Và, dù không nhiều, Đạo Hạnh vẫn có những ảnh hưởng nhất định đối với người dân xứ Sơn Nam hạ này, mặc dù, giống như ngôi chùa thờ Không Lộ ở Ninh Giang - Hải Dương, sự ảnh hưởng của thánh Từ đối với người dân chỉ trên một địa bàn nhất định và không thực sự sâu đậm như vị thánh nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp.

Không chỉ là các vị thánh được thờ ở chùa với tư cách như những người có công "khai sơn phá thạch" và mở mang những ngôi chùa ấy, hòa chung trong một dòng chảy văn hóa như nhiều vị thánh/thần của những tín ngưỡng khác, hiện tượng "Thành hoàng hoá" các vị thánh cũng được diễn ra ở nhiều nơi (như ở Văn Lâm - Hưng Yên, Hành Thiện - Nam Định, Dũng Nhuệ - Thái Bình, Đức Thắng - Bắc Giang, Ngũ Xã, Mai Lâm - Hà Nội, Gia Thắng - Ninh Bình, Trà Cổ - Quảng Ninh và cả



Tam quan chùa Keo (Thái Bình) - Ảnh: Tư liệu Cục Di sản văn hóa

các ngôi đình của 3 làng đảo Sơn Tâm, Vu Đầu và Vạn Vĩ - những làng của người Kinh ở Trung Quốc hiện nay...). Tại những vùng này, hoặc là thánh được thờ làm Thành hoàng ngay trong đình làng, hoặc làng không có đình thì thánh dù ở chùa, nhưng vẫn trở thành vị thần chung của cả làng. Chi tiết này đã khẳng định vai trò quan trọng của các vị thánh đó trong đời sống tâm linh của người dân địa phương.

Hiện tượng “Thành hoàng hóa” có nét đặc biệt là ở chùa Keo - Thái Bình, không giống với hầu hết các làng ở quê vùng châu thổ Bắc Bộ, làng Keo không có đình làng, mọi công việc chung như xử kiện, phạt vạ, ăn khao, bốc bán công điền, công thổ... của làng đều được diễn ra tại toà giá roi của chùa. Với chức năng đó, rõ ràng chùa Keo là một trung tâm văn hóa và cả hành chính của làng, tương tự như những ngôi đình làng từ giữa thế kỷ XX trở về trước. Mãi cho đến thế kỷ XIX làng Keo mới dựng đình. Nhưng sự có mặt của đình Keo dường như là sự bắt buộc làm theo những quy định của triều đình, chứ không phải xuất phát từ tình cảm của người dân đối với vị Thành hoàng của mình. Và, mặc dù đình đã là một thực thể tồn tại từ thế kỷ XIX, nhưng đến nay, hầu hết người dân làng Keo đều không biết tên Thành hoàng

làng mình. Có người dân nói rằng, Thành hoàng của họ chính là Khổng Minh Không (một tên khác của Dương Không Lộ)! Thực tế này cho thấy, với người dân, chùa Keo và thánh Không Lộ vẫn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của họ từ xưa cho đến bây giờ.

Từ những nhà sư có thật trong lịch sử, liên quan đến một ngôi chùa cụ thể, với tư cách là vị tổ khai sáng, qua cách hành xử và thời gian, họ đã trở thành những vị thánh đầy quyền năng, có vai trò quan trọng. Ở địa phương đó, do đức tin của con người, các vị thánh ngày càng trở nên linh diệu hơn bởi thần tích/lai lịch được bổ sung thêm những lớp văn hóa mới, rồi được định hình qua những lễ thức có khi được ảnh hưởng từ triều đình... Đặc biệt, có những vị thánh “dường như không có thật” mà lai lịch của họ như là sự kết hợp tiểu sử của nhiều nhân vật lịch sử khác nhau, thậm chí là sản phẩm của trí tượng tượng và mong ước của người dân trong quá trình khai phá vùng châu thổ. Qua truyền thuyết và lễ hội, các thánh cũng thể hiện rõ khả năng “chinh phục” các vị thần khác quanh vùng để chiếm vị thế chủ đạo trong đời sống tâm linh của người dân địa phương. Ngoài ra, xu hướng “Thành hoàng hoá” vị thánh để trở thành vị thần chung của làng cũng là một hiện tượng phổ biến, thậm chí, có ngôi chùa

còn kiêm luôn cả chức năng của đình làng. Trong xu hướng ấy, các thánh đều có những vùng ảnh hưởng của mình, đó là những địa phương gần bó mật thiết hoặc có liên quan tới những vị thánh/thiền sư này khi họ còn tại thế.

2- Lý giải về sự lựa chọn địa bàn để tạo ra vùng ảnh hưởng của một số thiền sư thời Lý - Trần

Kết quả khảo sát cho thấy, chùa tiền Phật hậu thánh chỉ xuất hiện phổ biến ở vùng châu thổ Bắc Bộ. Sở dĩ có hiện tượng này, là do Bắc Bộ được xem như chiếc nôi của người Việt cổ, nơi sinh thành và nuôi dưỡng tâm hồn, văn hóa truyền thống (gốc) của người Việt. Vì vậy, nơi đây còn bảo tồn được nhiều giá trị văn hóa cổ truyền đặc sắc, nhất là những phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội với những “tục hèm” độc đáo..., đặc biệt là hệ thống huyền thoại, truyền thuyết về những anh hùng văn hóa gắn với quá trình hình thành tộc người, quá trình dựng nước và giữ nước mà các địa bàn khác không thể có. Còn những vùng đất khác, nhất là từ Nam Trung Bộ trở vào, về cơ bản, đều là vùng đất mới, kết quả của quá trình “Nam tiến” của người Việt. Khi đó, dấu vết của những tín ngưỡng nguyên thủy, những truyền thuyết, huyền thoại Việt cổ bị nhạt đi nhiều trong tâm thức của người dân, do đã tiếp cận với những tín ngưỡng, tôn giáo địa phương. Vì thế, trong đời sống tinh thần của cư dân đi mở cõi ở những vùng đất mới này khó có thể nảy sinh những nhân vật là sản phẩm qua trí tưởng tượng của con người từ thuở hồng hoang, như ông Đùng, bà Đà hay ông Khổng Lồ, ông Gióng... mà họ chủ yếu sẽ ghi ơn, thờ phụng những người có công khai phá, chinh phục và mở rộng đất đai.

Chùa tiền Phật hậu thánh với sự phân bố không đều, nếu lấy sông Hồng làm ranh giới phân định, thì những ngôi chùa thờ thánh có số lượng nhiều hơn ở bên hữu ngạn (22/25 ngôi chùa) với mật độ đậm đặc ở vùng hạ lưu, còn bên tả ngạn chỉ có 3 chùa là chùa Keo (Thái Bình), chùa Ông (Văn Lâm - Hưng Yên) và chùa Trông (Ninh Giang - Hải Dương). Dường như có một sự “phân định” giữa các vị thánh/thần để hình thành nên vùng ảnh hưởng riêng của mình. Lý do nào dẫn tới hệ quả này? Đây quả là một câu hỏi không dễ tìm lời giải đáp. Song, qua nghiên cứu, chúng tôi xin nêu ra một giả thiết như sau:

Cho dù trong thần tích của một vài vị thánh có sự kết hợp giữa Đạo giáo với Phật giáo thì các ngôi

chùa tiền Phật hậu thánh, về cơ bản, vẫn nằm trong phạm trù chùa, bởi qua tiểu sử của các vị thánh, như: Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không cho thấy, họ thường thuộc các thế hệ truyền thừa của thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi - một thiền phái hết sức coi trọng kinh Đà la ni, tâm ấn và trì chú. Theo phái này, qua việc tu trì mà trí tuệ bừng sáng, đồng thời hành giả cũng chứng được nhiều quyền năng siêu nhiên (các phép thần thông). Có thể khẳng định, khởi đầu phái Tì Ni Đa Lưu Chi đã rất gần gũi với Mật tông. Tiểu sử của Đạo Hạnh, Minh Không, Không Lộ và Giác Hải, đều cho biết, các vị đã từng đến nước Kim Sĩ - vùng rất phát triển Mật tông/Mật giáo để học đạo. Còn với thánh Nguyễn Bình An, có thể nhận thấy sự kết hợp chặt chẽ giữa Đạo giáo và Mật giáo trong thần tích của Ngài qua những chi tiết được vua phong là “chân nhân”, được Long Vương trao cho kinh “đảo vũ”...

Sự hình thành các vùng văn hóa liên quan đến mỗi nhân vật cụ thể; ở đó, không chỉ có các lễ hội, phong tục, nghi lễ, trò chơi, trò diễn liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của thánh mà còn có những công trình kiến trúc được dựng lên để phụng thờ, tôn vinh và tưởng nhớ công lao của thánh đối với người dân địa phương. Cũng qua đó, một lần nữa có thể thấy, sự mềm dẻo, thích ứng và thái độ ứng xử của người Việt đối với các tôn giáo, tín ngưỡng trong suốt chiều dài lịch sử./.

D.T.T.H

Tài liệu tham khảo

- 1- Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H.
- 2- Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1990), *Thiền uyển tập anh* (Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thuý Nga dịch và chú thích), Phân viện Nghiên cứu Phật học và Nxb. Khoa học xã hội, H.
- 3- Nguyễn Duy Hinh (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, H.
- 4- Bùi Duy Lan - Phạm Đức Duật (1985), *Chùa Keo*, Nxb. Thái Bình.
- 5- Vũ Tự Lập (chủ biên, 1991), *Văn hóa và cư dân vùng đồng bằng sông Hồng*, Nxb. Khoa học xã hội, H.
- 6- Đỗ Lan Phương (1998), *Việc phụng thờ Chử Đồng Tử vùng châu thổ hạ lưu sông Hồng quá trình vận động của hiện tượng văn hóa tín ngưỡng*, Luận án tiến sĩ lịch sử.
- 7- Vũ Quỳnh - Kiều Phú (1960), *Linh Nam chí quái*, (Đình Gia Khánh - Nguyễn Ngọc San phiên dịch, chú thích và giới thiệu), Nxb. Văn hóa, H.
- 8- Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Hà Tây (1995), *Truyền thuyết Sơn Tinh*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây xuất bản.
- 9- Ngô Đức Thịnh (chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H, tr. 211- 340.
- 10- Lý Tế Xuyên (1960), *Việt điện u linh* (Trịnh Đình Rư dịch theo bản A.751 của Thư viện Khoa học), Nxb. Văn hóa, H.